

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 08/9/2017

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

-Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiếu.

2. Ông Phạm Mã Siêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST - HNGĐ ngày 04/5/2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXX- ST ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1981(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986 (Có mặt).

Đều có Địa chỉ: Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL.

Địa chỉ: Xã ĐL, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện: Ông Trần Ngọc T - Giám đốc phòng giao dịch Chi nhánh ĐL (Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt).

2. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Quang Ch - Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn Th - Phó giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải (Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt).

3. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1952 (Có mặt).

4. Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1975 (Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt).

5. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1979 (Có mặt).

6. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1980 (Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt).

7. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 (Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt).
Đều có địa chỉ: Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.
8. Chị Trần Thị C, sinh năm 1990 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn VX, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 14/4/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 04/5/2017, biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là anh Trần Văn Ch trình bày: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 26/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống ổn định, chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Do công việc lái xe nên anh thường xuyên không có nhà, trước khi anh nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án khoảng một tháng thì anh được bố mẹ đẻ anh nói cho anh biết là chị H ở nhà đã không chung thủy với anh và cháu H3 không phải là con đẻ của anh. Khi có kết quả xét nghiệm AND giữa mẹ đẻ anh là bà Phạm Thị Ng và cháu Trần Ngọc H3 xác định cháu H3 và mẹ đẻ anh không cùng huyết thống nên anh đã về nhà hỏi chị H và chị H cũng đã thừa nhận với anh việc chị H không chung thủy với anh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Trần Vũ S, sinh ngày 14/7/2005. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung Trần Vũ S do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên vọng của anh sau khi ly hôn là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Vũ S, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Đối với cháu Trần Ngọc H3, sinh ngày 14/02/2013 mặc dù trên giấy khai sinh thể hiện cháu H3 là con của anh nhưng tại kết quả xét nghiệm AND xác định cháu H3 không phải là con của anh nên anh không thừa nhận cháu Trần Ngọc H3 là con chung của anh và chị H. Cháu H3 là con riêng của chị H nên chị H phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H3.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích khoảng 60m² xây dựng trên diện tích đất 115m² tại thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng năm 2012; 01 xe máy SH, BKS:17B8- xxx mang tên Trần Văn Ch; 01 xe máy Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H và một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, anh Ch không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn những tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình anh nhường lại cho chị H sở hữu và sử dụng, còn anh xin được sở hữu và sử dụng nhà và đất, xe máy SH, còn chị H sở hữu và sử dụng xe máy Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H, anh có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị H theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Tại biên bản hòa giải ngày 06/7/2017, biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 và tại phiên tòa hôm nay, anh Ch trình bày: Vợ chồng anh còn nợ các khoản nợ sau: Nợ bố mẹ đẻ anh là ông Trần Văn H1 và bà Phạm Thị Ng ở thôn HL, xã ĐH số

tiền 200.000.000 đồng; Nợ ngân hàng Nông nghiệp huyện Tiền Hải chi nhánh ĐL 50.000.000đồng, hiện tại vẫn chưa trả gốc; Nợ em gái anh là chị Trần Thị C ở thôn VX, xã Đ H 03 chỉ vàng và số tiền 20.000.000đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải 12.000.000đồng tiền gốc và các khoản nợ phường của chị Th, chị N, chị T2, chị H2 theo đơn yêu cầu đề nghị của các chị và đã có các tài liệu chứng cứ nộp tài Tòa án. Anh đề nghị Tòa án xem xét chia nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2017, biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Ch kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 26/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Khoảng hơn một tháng trước khi nộp đơn ly hôn, anh Ch đưa cho chị xem kết quả xét nghiệm ADN giữa mẹ chồng chị và cháu H3 xác định giữa mẹ chồng chị và cháu H3 không cùng huyết thống, lúc đó giữa chị và anh Ch đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình yêu Th và tin tưởng nhau. Nay anh Ch có đơn xin ly hôn chị, xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị và anh Ch có một con chung là Trần Vũ S, sinh ngày 14/7/2005. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Vũ S, chị không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu Trần Ngọc H3, sinh ngày 14/02/2013 mặc dù trên giấy khai sinh thể hiện cháu H3 là con của chị và anh Ch nhưng anh Ch không thừa nhận cháu H3 là con của anh Ch nên chị xác định cháu H3 là con riêng của chị. Chị không yêu cầu anh Ch phải có trách nhiệm với cháu Trần Ngọc H3.

Về tài sản chung: Chị và anh Ch có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích khoảng 60m² xây dựng trên diện tích đất 115m² tại thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng năm 2012; 01 xe máy SH, BKS:17B8- xxx mang tên Trần Văn Ch; 01 xe máy Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H và một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị nhất trí với ý kiến của anh Ch về nhường lại toàn bộ tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình cho chị sở hữu và sử dụng, chị có nguyện vọng xin được sở hữu và sử dụng nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng tại Thôn HL, xã ĐH, vì từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay anh Ch và cháu S đã về nhà bố mẹ để anh Ch để ở, còn chị và cháu H3 đang ở tại nhà của hai vợ chồng, bản thân chị có thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp nên không có điều kiện để tạo lập được chỗ ở mới và chiếc xe máy Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H. Còn anh Ch sở hữu và sử dụng xe máy SH, BKS:17B8- xxx mang tên Trần Văn Ch. Chị có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh Ch theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Tại biên bản hòa giải ngày 06/7/2017, biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 và tại phiên tòa hôm nay, chị H trình bày chị và anh Ch còn nợ các khoản sau: Nợ ngân hàng nông nghiệp huyện Tiền Hải chi nhánh ĐL 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi; Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải số tiền gốc 12.000.000đồng, vay ngày 27/10/2015, hàng tháng chị vẫn trả lãi; Nợ tiền phường do

chị Vũ Thị H2 ở thôn HL, xã ĐH làm chủ phường hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 8.400.000đồng; Nợ tiền phường do chị Nguyễn Thị N ở thôn HL, xã ĐH và hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 18.000.000đồng; Nợ tiền phường do chị Trần Thị Th ở thôn HL, xã ĐH làm chủ phường và hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 13.200.000đồng; Nợ tiền phường do chị Nguyễn Thị T2 ở thôn HL, xã ĐH làm chủ phường và hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 22.000.000đồng. Quan điểm của chị H yêu cầu hai vợ chồng phải có trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng.

Đối với các khoản nợ 200.000.000đồng anh Ch khai vay của ông H1, bà Ng cũng như khoản nợ của chị C là 03 chỉ vàng 9999 và số tiền 20.000.000đồng chị không chấp nhận đây là nợ chung của vợ chồng vì chị không vay và cũng không được cầm số tiền và vàng trên.

Tại công văn số 01 ngày 25/5/2017 và bản tự khai ngày 15/6/2017, bảng tính nợ gốc, lãi đến ngày 08/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL do ông Trần Ngọc T là Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL trình bày: Căn cứ vào nhu cầu vay vốn của gia đình anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H, ngày 10/6/2016 Ngân hàng nông nghiệp huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL đã cho anh Ch và chị H vay số tiền 50.000.000đồng và lãi suất là 9,5%/năm, mục đích sử dụng vốn là chăn nuôi theo Hợp đồng tín dụng số 3404LAV201605109. Anh Ch và chị H đã nhận đủ số 50.000.000đồng theo hợp đồng đã ký kết. Tài sản để đảm bảo cho khoản tiền vay của anh Ch chị H gồm: Nhà mái bằng diện tích khoảng 65m² trên diện tích đất 115m² tại thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK019420 do Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải cấp ngày 14/9/2012. Tính đến ngày 08/9/2017 anh Ch và chị H đã trả nợ lãi cho ngân hàng số tiền là 5.093.056 đồng và còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng và số tiền lãi là 956.861 đồng. Nay anh Ch và chị H ly hôn quan điểm của ngân hàng đề nghị anh Ch và chị H phải có trách nhiệm trả nợ gốc cho Ngân hàng là 50.000.000đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 956.861 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi anh Ch và chị H phải trả cho Ngân hàng là 50.956.861 đồng (Năm mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi một đồng).

Tại đơn đề nghị ngày 23/6/2017, bản tự khai ngày 27/6/2017, bản tự khai bổ sung ngày 05/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải do ông Phan Văn Thanh Phó giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải trình bày: Căn cứ vào nhu cầu vay vốn của gia đình anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H ngày 27/10/2015, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải đã thực hiện việc giải ngân cho anh Ch, chị H vay số tiền là 12.000.000đồng; lãi suất là 0,75%/tháng. Thời hạn trả nợ là ngày 15/10/2020. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tín chấp. Anh Ch và chị H đã trả lãi đến ngày 15/8/2017 là 1.974.000đồng. Tính đến ngày 08/9/2017 anh Ch, chị H còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 12.000.000đồng và tiền lãi là 72.000đồng. Nay anh Ch, chị H ly hôn, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải yêu cầu anh Ch, chị H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 12.000.000đồng và tiền lãi là 72.000đồng cho Ngân hàng. Tổng số tiền

cả gốc và lãi anh Ch và chị H phải trả cho Ngân hàng là 12.072.000 đồng (Mười hai triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tại đơn đề nghị ngày 22/4/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 19/5/2017, biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn H1 và bà Phạm Thị Ng trình bày: Năm 2011, vợ chồng anh Ch, chị H mua xe du lịch 16 chỗ còn thiếu tiền nên ông bà đã cho vợ chồng anh Ch, chị H vay số tiền 100.000.000đồng. Đến năm 2012, anh Ch chị H mua nhà và đất ông bà lại cho anh chị vay tiếp số tiền 100.000.000đồng. Số tiền ông bà cho anh Ch, chị H vay là khoản tiền tích góp của ông bà và vì là con trai và con dâu nên giữa ông bà và anh Ch chị H không viết giấy vay nợ với nhau. Từ thời gian vay cho đến nay vợ chồng anh Ch, chị H chưa trả cho ông bà số tiền trên. Nay anh Ch, chị H ly hôn ông bà yêu cầu anh chị phải có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Ông bà không yêu cầu anh Ch, chị H phải trả lãi.

Tại đơn đề nghị ngày 22/5/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 15/6/2017, biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị C trình bày: Năm 2012 chị cho anh trai và chị dâu chị là anh Ch, chị H vay 20.000.000đồng để sửa nhà và đến đầu năm 2017 chị cho chị H vay 03 chỉ vàng 9999 chị H nói là đóng phường. Số tiền và vàng trên chị đều đưa cho chị H nhưng vì là chị em nên không viết giấy vay nợ gì. Nay anh Ch, chị H ly hôn chị yêu cầu anh Ch và chị H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền và vàng trên. Chị không yêu cầu anh Ch, chị H phải trả lãi cho chị.

Tại đơn đề nghị ngày 13/6/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 15/6/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị H2 trình bày: Vào tháng 5/2016 âm lịch các chị tổ chức vào phường tháng với nhau do chị làm chủ phường gồm 20 người chơi, mỗi người (01 chân phường) là 1.000.000đồng/tháng, lãi suất là 200.000đồng/01 chân phường/01 tháng. Anh Ch, Chị H vào một chân phường 1.000.000đồng và đã rút phường vào tháng 6/2016 âm lịch với số tiền là 19.200.000đồng. Hiện nay, anh Ch, chị H còn nợ 07 chân phường với số tiền gốc là 7.000.000đồng và lãi là 1.400.000đồng. Nay anh Ch, chị H ly hôn, chị yêu cầu anh Ch và chị H phải có trách nhiệm trả đầy đủ khoản tiền phường còn nợ cả gốc và lãi là 8.400.000đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại đơn đề nghị ngày 13/6/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 15/6/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Th trình bày: Vào tháng 01/2016 âm lịch các chị tổ chức vào phường tháng với nhau do chị làm chủ phường gồm 22 người chơi, mỗi người (01 chân phường) là 2.000.000đồng/tháng, lãi suất là 200.000đồng/01 chân phường/01 tháng. Anh Ch, Chị H vào một chân phường 2.000.000đồng và đã rút phường ở chân thứ 6 vào tháng 6/2016 âm lịch. Hiện nay, anh Ch, chị H còn nợ 06 chân phường với số tiền gốc là 12.000.000đồng và lãi là 1.200.000đồng. Nay anh Ch, chị H ly hôn, chị yêu cầu anh Ch và chị H phải có trách nhiệm trả đầy đủ khoản tiền phường còn nợ cả gốc và lãi là 13.200.000đồng (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại đơn đề nghị ngày 13/6/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 15/6/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N trình bày: Vào tháng 03/2016 âm lịch các chị tổ chức vào phường tháng với nhau do chị làm chủ phường gồm 30 người chơi, mỗi người (01 chân phường) là 1.000.000đồng/tháng, lãi suất là 200.000đồng/01 chân phường/01 tháng. Anh Ch, Chị H vào một chân phường 1.000.000đồng và đã rút phường ở chân thứ 4 vào tháng 6/2016 âm lịch. Hiện nay, anh Ch, chị H còn nợ 15 chân phường với số tiền gốc là 15.000.000đồng và lãi là 3.000.000đồng. Nay anh Ch, chị H ly hôn, chị yêu cầu anh Ch và chị H phải có trách nhiệm trả đầy đủ khoản tiền phường còn nợ cả gốc và lãi là 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng).

Tại đơn đề nghị ngày 13/6/2017 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 15/6/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Vào tháng 5/2016 âm lịch các chị tổ chức vào phường tháng với nhau do chị làm chủ phường gồm 23 người chơi, mỗi người (01 chân phường) là 2.000.000đồng/tháng, lãi suất là 200.000đồng/01 chân phường/01 tháng. Anh Ch, Chị H vào một chân phường 2.000.000đồng và đã rút phường ở chân thứ 2 vào tháng 6/2016 âm lịch. Hiện nay, anh Ch, chị H còn nợ 10 chân phường với số tiền gốc là 20.000.000đồng và lãi là 2.000.000đồng. Nay anh Ch, chị H ly hôn, chị yêu cầu anh Ch và chị H phải có trách nhiệm trả đầy đủ khoản tiền phường còn nợ cả gốc và lãi là 22.000.000đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: - Bị đơn là chị Vũ Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã ĐH, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp huyện Tiên Hải - Chi nhánh ĐL; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiên Hải; Chị Vũ Thị H2, chị Nguyễn Thị T2 và chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

[2]. Về nội dung vụ án:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh

phúc đến tháng 03/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Ch trình bày chị H không chung thủy với anh và cháu Trần Ngọc H3 không phải là con của anh, chị H trình bày vợ chồng không còn tin tưởng và tình Th yêu với nhau. Từ tháng 4/2017 cho đến nay hai vợ chồng sống ly thân. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ch vẫn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho anh được ly hôn với chị H vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là chị H cũng đồng ý ly hôn với anh Ch.

Xét yêu cầu của anh Ch xin ly hôn chị H Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Ch và chị H xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2017 do vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau. Từ tháng 4/2017 cho đến nay hai vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy là hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa anh Ch và chị H tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H.

* Về con chung: Cả anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H đều xác nhận vợ chồng có một con chung là Trần Vũ S, sinh ngày 14/7/2005. Nguyên vọng của anh Ch và chị H đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Vũ S. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung của anh Ch và chị H là cháu Trần Vũ S đang sống cùng với anh Ch và tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2017, cháu Trần Vũ S có nguyện vọng xin được ở với bố. Để đảm bảo cho việc học tập ổn định cũng như nguyện vọng của cháu S nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ch, giao con chung Trần Vũ S cho anh Trần Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với cháu Trần Ngọc H3, sinh ngày 14/02/2013 mặc dù trên giấy khai sinh thể hiện cháu H3 là con của anh Ch và chị H nhưng tại kết quả xét nghiệm ADN ngày 09/4/2017 của Trung tâm xét nghiệm LOCI ADN giữa bà Phạm Thị Ng là mẹ đẻ anh Ch và cháu Trần Ngọc H3 đã kết luận giữa bà Ng và cháu H3 là không cùng huyết thống. Anh Ch không thừa nhận cháu H3 là con của anh Ch và chị H cũng đã xác nhận cháu H3 là con riêng của chị H. Vì vậy, xác định cháu H3 là con riêng của chị H và chị H phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc H3.

* Về tài sản chung: Cả anh Ch và chị H đều thống nhất xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích khoảng 60m² xây dựng trên diện tích đất 115m² tại thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng năm 2012; 01 xe máy SH, BKS:17B8- xxx mang tên Trần Văn Ch; 01 xe máy Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H. Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, anh Ch và chị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia, tại phiên tòa anh Ch tự nguyện nhường toàn bộ tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình cho chị H sở hữu và sử dụng.

Đối với tài sản là nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích khoảng 60m² xây dựng trên diện tích đất 115m² tại thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; 01 xe máy SH, BKS:17B8- xxx mang tên Trần Văn Ch; 01 xe máy

Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H cả anh Ch và chị H đều đề nghị Tòa án định giá tài sản để phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả anh Ch và chị H đều có nguyện vọng xin được sở hữu, sử dụng nhà và đất tại Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Do các đương sự không thống nhất được cách phân chia và đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 25/7/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Tiền Hải xác định giá trị tài sản của anh Ch và chị H cụ thể như sau:

- Diện tích đất 115m² tại Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình có giá là 800.000đồng/1m² x 115m² = 92.000.000đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

- Nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín giá trị còn lại sau khấu hao là: 101.071.000đồng (Một trăm linh một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Xe máy SH mua năm 2016 mang tên anh Trần Văn Ch, giá trị còn lại sau khấu hao là: 52.000.000đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

- Xe máy Classical mua năm 2009 mang tên Vũ Thị H, giá trị còn lại sau khấu hao là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chung của anh Ch và chị H là: 248.071.000đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Xét yêu cầu của anh Ch và chị H về việc phân chia tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Ch và chị H đều không chứng minh được người nào có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung nên giữa anh Ch và chị H có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung của vợ chồng và tài sản chung được chia đôi theo quy định của pháp luật. Tài sản chung của anh Ch và chị H được định giá là 248.071.000đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng). Anh Ch và chị H mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung là 124.035.500 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi năm nghìn năm trăm đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả anh Ch và chị H đều có nguyện vọng xin được sở hữu, sử dụng nhà và đất. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay anh Ch và cháu S đã về nhà bố mẹ đẻ anh Ch sống, còn chị H và cháu H3 đang sinh sống tại ngôi nhà mái bằng nằm trên diện tích đất 115m² tại Thôn HL, xã ĐH, bản thân chị H làm nghề tự do và làm nông nghiệp, kinh tế còn khó khăn không có điều kiện tạo lập chỗ ở mới sau khi ly hôn. Nên cân giao cho chị H được sở hữu và sử dụng ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín và diện tích đất 115m² tại Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình có giá trị là 193.071.000đồng (Một trăm chín mươi ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp. Đối với chiếc xe máy Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H có giá trị là 3.000.000đồng. Hiện nay chị H đang sở hữu và sử dụng nên cân giao cho chị H tiếp tục sở hữu và sử dụng là phù hợp.

Đối với tài sản chung là chiếc xe máy SH, BKS:17B8- xxx mang tên Trần Văn Ch có giá trị là 52.000.000đồng. Hiện nay anh Ch đang sở hữu và sử dụng nên cân giao cho anh Ch tiếp tục sở hữu và sử dụng chiếc xe máy SH là phù hợp.

Tổng giá trị tài sản chung chị H được sở hữu và sử dụng là 196.071.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản chung anh Ch được sở hữu và sử dụng là: 52.000.000đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Chị Vũ Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho anh Trần Văn Ch là 72.035.500đồng (Bảy mươi hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

* Về công nợ: Anh Ch và chị H đều xác nhận vợ chồng còn nợ các khoản sau: Nợ ngân hàng nông nghiệp huyện Tiền Hải chi nhánh ĐL 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi; Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải số tiền gốc 12.000.000đồng; Nợ tiền phường do chị Vũ Thị H2 ở Thôn HL, xã ĐH làm chủ phường hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 8.400.000đồng; Nợ tiền phường do chị Nguyễn Thị N ở Thôn HL, xã ĐH làm chủ phường và hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 18.000.000đồng; Nợ tiền phường do chị Trần Thị Th ở Thôn HL, xã ĐH làm chủ phường và hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 13.200.000đồng; Nợ tiền phường do chị Nguyễn Thị T2 ở Thôn HL, xã ĐH làm chủ phường và hiện nay còn nợ lại số tiền cả gốc và lãi là 22.000.000đồng. Các khoản nợ này anh Ch và chị H đều không có tranh chấp và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu độc lập yêu cầu anh Ch, chị H phải có nghĩa vụ trả nợ sau khi ly hôn.

Xét thấy, việc vay nợ giữa vợ chồng anh Ch, chị H với Ngân hàng nông nghiệp huyện Tiền Hải chi nhánh ĐL, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải cũng như việc vào phường là nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình anh Ch, chị H, việc vay nợ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử xác định đây là các khoản nợ chung của vợ chồng và chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Buộc anh Ch chị H phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ trên.

Đối với khoản nợ 200.000.000đồng anh Ch khai vay của ông H1, bà Ng vào năm 2011 và năm 2012 và ông H1, bà Ng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ch, chị H phải có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền nợ gốc 200.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu ông H1, bà Ng cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh việc ông bà cho anh Ch, chị H vay số tiền 200.000.000đồng nhưng ông H1, bà Ng không cung cấp được cho Tòa án giấy tờ thể hiện việc anh Ch, chị H có vay nợ ông bà. Mặt khác, ông H1 khai hai lần vay tiền ông đều đưa cho anh Ch, một lần 100.000.000đồng đưa tại nhà ông để anh Ch trả tiền mua đất, một lần đưa 100.000.000 đồng cho anh Ch và ông cùng anh Ch đi mua xe ô tô cho anh Ch. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017, anh Ch khai cả hai lần vay tiền của ông H1, bà Ng chị H là người trực tiếp nhận tiền. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị H không thừa nhận vay số tiền 200.000.000đồng của ông H1, bà Ng. Do các lời khai mâu thuẫn nhau và ông H1, bà Ng, anh Ch không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc vay nợ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận khoản nợ 200.000.000đồng của ông H1, bà Ng là nợ chung của vợ chồng anh Ch, chị H và không chấp nhận yêu cầu của ông H1, bà Ng về việc đòi anh Ch, chị H phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc 200.000.000đồng.

Đối với khoản nợ 20.000.000đồng và 03 chỉ vàng 9999 anh Ch khai vay của em gái anh là Trần Thị C vào năm 2012 và đầu năm 2017 và chị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ch, chị H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ gốc 20.000.000đồng và 03 chỉ vàng 9999. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu chị C cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh việc chị cho anh Ch, chị H vay số tiền

20.000.000đồng và 03 chỉ vàng 9999 nhưng chị C không cung cấp được cho Tòa án giấy tờ thể hiện việc anh Ch, chị H có vay nợ chị. Chị H không thừa nhận việc vay tiền và vàng của chị C. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận khoản nợ 20.000.000đồng và 03 chỉ vàng 9999 của chị C là nợ chung của vợ chồng anh Ch, chị H và không chấp nhận yêu cầu của chị C về việc đòi anh Ch, chị H phải trả cho chị số tiền nợ gốc 20.000.000đồng và 03 chỉ vàng 9999.

Từ những phân tích về các khoản nợ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định khoản nợ chung của anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H trong thời kỳ hôn nhân gồm: Nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL số tiền gốc là 50.000.000đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 956.861 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 50.956.861đồng (Năm mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi một đồng); Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải số tiền gốc là 12.000.000đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 72.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 12.072.000đồng (Mười hai triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng); Nợ tiền phường do chị Vũ Thị H2 làm chủ phường là 8.400.000đồng; Nợ tiền phường do chị Nguyễn Thị N làm chủ phường là 18.000.000đồng; Nợ tiền phường do chị Trần Thị Th làm chủ phường là 13.200.000đồng; Nợ tiền phường do chị Nguyễn Thị T2 làm chủ phường là 22.000.000đồng. Tổng các khoản nợ của anh Ch, chị H là: 124.628.861đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi một đồng) và các khoản nợ này anh Ch, chị H có trách nhiệm mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ trả nợ (mỗi người phải trả 62.314.430 đồng). Tuy nhiên, các khoản nợ trên chị H là người trực tiếp giao dịch và hàng tháng vẫn trả nợ lãi cho Ngân hàng cũng như trực tiếp theo phường và chị H được sở hữu nhà và đất nên cần buộc chị H có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL; Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải; trả nợ phường cho chị Vũ Thị H2, chị Trần Thị Th, chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị T2.

Đôi trừ đi khoản nợ anh Ch phải có nghĩa vụ trả là 62.314.430 đồng thì chị H còn phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho anh Trần Văn Ch là 9.721.070đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm bảy mươi đồng).

Về chi phí tố tụng: Anh Ch và chị H có yêu cầu chia tài sản chung và đều yêu cầu định giá tài sản nên anh Ch, chị H phải chịu chi phí tố tụng cho việc định giá tài sản. Số tiền chi phí cho việc định giá tài sản là 2.000.000đồng. Anh Ch, chị H mỗi người đã nộp 1.000.000đồng chi phí cho việc định giá tài sản nên đã thi hành xong.

Về án phí: - Anh Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật gồm: Án phí chia tài sản chung là 3.086.000đồng; án phí nghĩa vụ trả nợ là 3.115.721 đồng.

- Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật gồm: Án phí chia tài sản chung là 3.086.000đồng; án phí nghĩa vụ trả nợ là 3.115.721 đồng.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL; Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiền Hải; chị Vũ Thị H2, chị Trần Thị Th, chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn H1 và bà Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông bà không được chấp nhưng ông H1, bà Ng là Th binh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước và là nạn nhân chất độc da cam. Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông bà được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của chị không được Tòa án chấp nhận là 20.000.000đồng+ 03 chỉ vàng 9999 (Theo giá vàng của ngân hàng nhà nước công bố ngày 07/9/2017, 01 chỉ vàng 9999 có giá là 3.670.000đồng/1 chỉ vàng = 11.010.000đồng) x 5% . Số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị C phải chịu là 1.550.050 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12, Điều 26, Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H.

2/ Về con chung: Anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H có một con chung là Trần Vũ S, sinh ngày 14/7/2005. Giao con chung Trần Vũ S, sinh ngày 14/7/2005 cho anh Trần Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Chị Vũ Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Xác định cháu Trần Ngọc H3, sinh ngày 14/02/2013 là con riêng của chị Vũ Thị H. Chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc H3.

3/ Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H gồm: Diện tích đất 115m² tại Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 có giá trị là 92.000.000đồng (Chín mươi hai triệu đồng); Nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín có giá trị là 101.071.000đồng (Một trăm linh một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng); Xe máy SH mua năm 2016 mang tên anh Trần Văn Ch, có giá trị là 52.000.000đồng (Năm mươi hai triệu đồng); Xe máy Classical mua năm 2009 mang tên Vũ Thị H có giá trị là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng). **Tổng giá trị tài sản chung của anh Ch và chị H là: 248.071.000đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng).**

- Chia cho chị Vũ Thị H được quyền sử dụng diện tích đất thổ cư 115m² tại Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 019420 do Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải cấp ngày 14/9/2012 mang tên anh Trần Văn Ch và chị Vũ Thị H có giá trị là 92.000.000đồng (Chín mươi hai triệu đồng). Đất có các chiều cụ thể như sau:

- + Đông dài 14m giáp thổ bà G
- + Tây dài 14m giáp ngõ ông Đ
- + Nam dài 7m giáp đường 19/5
- + Bắc dài 9,5m giáp thổ ông R

Chia cho chị Vũ Thị H được quyền sở hữu và sử dụng một ngôi nhà mái bằng cùng công trình phụ khép kín xây dựng trên diện tích đất 115m² tại Thôn HL, xã ĐH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình có giá trị là 101.071.000đồng (Một trăm linh một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) và một chiếc xe máy Classical, BKS: 17B-xxx mang tên Vũ Thị H có giá trị là 3.000.000 (Ba triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chung chị H được quyền sở hữu và sử dụng là 196.071.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Chia cho anh Trần Văn Ch được sở hữu và sử dụng chiếc xe máy SH, BKS:17B8- xxx mang tên Trần Văn Ch có giá trị là 52.000.000đồng.

Buộc chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Ch số tiền chênh lệch về tài sản sau khi đối trừ nghĩa vụ trả nợ cho anh Ch số tiền còn lại là 9.721.070đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm bảy mươi đồng).

4/ Về công nợ: Buộc chị Vũ Thị H phải có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

+Trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiền Hải - Chi nhánh Đông tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 50.956.861 đồng (Năm mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi một đồng).

+Trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2017 là 12.072.000 đồng (Mười hai triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

+ Trả các khoản nợ tiền phường do chị Vũ Thị H2 làm chủ phường là 8.400.000đồng; chị Nguyễn Thị N làm chủ phường là 18.000.000đồng; chị Trần Thị Th làm chủ phường là 13.200.000đồng và chị Nguyễn Thị T2 làm chủ phường là 22.000.000đồng.

Tổng số tiền nợ phải trả là: 124.628.861đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi một đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

“ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Trần Văn Ch và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng chị Vũ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”

- Bác yêu cầu của ông Trần Văn H1 và bà Phạm Thị Ng về việc buộc anh Ch, chị H phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Bác yêu cầu của chị Trần Thị C về việc buộc anh Ch, chị H phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng và 03 chỉ vàng 9999.

5/ Về án phí: - Anh Trần Văn Ch phải nộp 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh Ch đã nộp tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008288 ngày 04/5/2017 và phải nộp 6.201.721 đồng (Sáu triệu hai trăm linh một nghìn bảy trăm hai mươi một đồng) án phí chia tài sản chung và án phí nghĩa vụ trả nợ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.450.000đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) anh Ch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008303 ngày 19/5/2017, số tiền còn lại 3.248.279 (Ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng) được trả lại cho anh Ch.

- Chị Vũ Thị H phải nộp 6.201.721 đồng (Sáu triệu hai trăm linh một nghìn bảy trăm hai mươi một đồng) án phí chia tài sản chung và án phí nghĩa vụ trả nợ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.450.000đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008307 ngày 19/5/2017, số tiền còn lại 3.248.279 (Ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng) được trả lại cho chị H.

- Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiền Hải - Chi nhánh ĐL số tiền tạm ứng án phí 1.300.000đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008332 ngày 15/6/2017.

- Trả lại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008338 ngày 27/6/2017.

- Trả lại chị Trần Thị Th số tiền tạm ứng án phí 330.000đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008330 ngày 15/6/2017.

- Trả lại chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 450.000đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008328 ngày 15/6/2017.

- Trả lại chị Nguyễn Thị T2 số tiền tạm ứng án phí 550.000đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008327 ngày 15/6/2017.

- Trả lại chị Vũ Thị H2 số tiền tạm ứng án phí 210.000đồng (Hai trăm mười nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008329 ngày 15/6/2017.

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn H1 và bà Phạm Thị Ng. Trả lại ông Trần Văn H1 và bà Phạm Thị Ng số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008304 ngày 19/5/2017.

- Chị Trần Thị C phải nộp 1.550.050đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn không trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008331 ngày 15/6/2017, chị C còn phải nộp tiếp 800.050đồng (Tám trăm nghìn không trăm năm mươi đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H1, bà Ng, chị Th, chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/9/2017).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiền Hải chi nhánh ĐL, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tiền Hải; Chị Vũ Thị H2, chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Phòng KTGD TAND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐH;
- Lưu.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Chu Tuấn Vương